

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 10 - 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 29/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 211/2018/TLST- HNGĐ ngày 14/9/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Nh; sinh năm: 1992; nơi ĐKKHKT: Thôn Đồng Thành 2, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn Thạch Yên 1, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L; sinh năm: 1991; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn Đồng Thành 2, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Nhận và anh Linh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2018, trong bản tự khai ngày 20/9/2018 và trong phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị Nh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2010 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên đôi lúc xảy ra cãi cọ, chửi bới và xúc phạm nhau. Bản thân anh L còn hay tụ tập bạn bè chơi bời bài bạc, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L vẫn không thay đổi tính nết. Anh L còn bị bạn bè xấu rủ rê sử dụng trái phép vật liệu nổ nên đã bị công an xử phạt hành chính. Ngoài ra, công việc của chị thường xuyên phải đi làm xa nhưng anh L không thông cảm mà còn hay trách móc chị. Chán nản với cuộc

sống như vậy, chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2018 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 27/11/2011. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị làm lao động tự do và kinh doanh cửa hàng quần áo, thu nhập giao động từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ/tháng, nên chị có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con và không cần anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 17/9/2018 và trong phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Nh kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2010 tại UBND xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến tháng 6 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống. Bản thân chị Nh thường xuyên phải đi làm xa nên tình cảm vợ chồng từ đó cũng phai nhạt dần. Thời gian kéo dài khiến cho cả hai vợ chồng đều cảm thấy mệt mỏi, chán nản. Nay chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh, anh cũng đồng ý. Việc chị Nh nói anh thường xuyên tụ tập bạn bè để chơi bài bạc, anh cũng thừa nhận nhưng chỉ là đánh nhỏ cho vui chứ không mang tính sát phạt, cũng không lần nào bị xử phạt. Việc anh sử dụng trái phép vật liệu nổ và bị xử phạt hành chính là đúng sự thật, nhưng do anh bị bạn bè rủ rê chứ không phải là chủ mưu, cầm đầu.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 27/11/2011. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con, hiện anh làm thợ xây, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000đ/tháng, nên có thể trực tiếp nuôi con mà không cần chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự trong bản tự khai, tại phiên hòa giải, cũng như tại phiên tòa: Chị Nh và anh L thuận tình ly hôn và cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản. Tuy nhiên, chị Nh và anh L không thống nhất được về người trực tiếp nuôi con nên không ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con cái: Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 27/11/2011 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh.

- Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong vụ án, do các bên đương sự đang có tranh chấp về việc nuôi con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Nh và anh Nguyễn Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2010 tại UBND xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến tháng 6 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tình tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 7 năm 2018 đến nay, chị Nh và anh L đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc này, cả chị Nh và anh L đều thừa nhận và đã được các cấp chính quyền xã Thành Yên xác nhận. Đồng thời cũng phù hợp với kết quả mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả chị Nh và anh L đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Nh được ly hôn anh L.

[3]. Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 27/11/2011. Ly hôn, cả chị Nh và anh L đều yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, bản thân anh L có lối sống không chuẩn mực, đã nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật, mặc dù chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cũng đã bị xử phạt hành chính, do đó, nếu giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của con trẻ. Mặt khác, hiện tại thu nhập của chị Nh cao hơn anh L nên có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con mà không cần anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Nh, giao cháu L cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh.

[4]. Về tài sản: Chị Nh và anh L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con cái: Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 27/11/2011 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh. Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Nh chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị Nh đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2016/0003436 ngày 14/9/2018. Chị Nh đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nh và anh L. Chị Nh và anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Yên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức

